

**TÀI LIỆU**  
**THÔNG TIN VỀ MỘT SỐ DỰ ÁN LUẬT DO BỘ CÔNG AN**  
**CHỦ TRÌ SOẠN THẢO TRÌNH QUỐC HỘI KHÓA XV TẠI KỲ HỌP THỨ 10**  
*(Tại Hội nghị cung cấp thông tin cho báo chí về nhân quyền tháng 10/2025)*

Theo chương trình Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV, Bộ Công an sẽ chủ trì soạn thảo trình **10 dự án luật, bao gồm:** (1) Luật Dẫn độ; (2) Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; (3) Luật Thi hành án hình sự (sửa đổi); (4) Luật Thi hành tạm giữ tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; (5) Luật Phòng, chống ma túy (sửa đổi); (6) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lý lịch tư pháp; (7) Luật An ninh mạng; (8) Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (sửa đổi); (9) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự; (10) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng an ninh và động viên công nghiệp.

**1. Đối với dự án Luật Dẫn độ**

Dự thảo Luật Dẫn độ dự kiến gồm 04 chương và 45 điều, trong đó, sửa đổi 27 điều, bổ sung 23 điều và cắt giảm 01 điều so với Luật Tương trợ tư pháp (phần về dẫn độ). Nội dung cơ bản Luật Dẫn độ tập trung vào các vấn đề có liên quan đến các trường hợp có thể bị dẫn độ; áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong dẫn độ; chi phí thực hiện yêu cầu dẫn độ; dẫn độ có điều kiện; Cơ quan trung ương về dẫn độ; hồ sơ yêu cầu dẫn độ của Việt Nam gửi đi nước ngoài; hồ sơ yêu cầu dẫn độ của nước ngoài gửi đến Việt Nam; trình tự, thủ tục thụ lý, xem xét, quyết định dẫn độ cho nước ngoài; thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm quyết định dẫn độ; từ chối dẫn độ cho nước ngoài; dẫn độ đơn giản; dẫn độ tạm thời; dẫn độ lại.

Bên cạnh các quy định nêu trên, Luật Dẫn độ đã bổ sung quy định về thông báo liên quan đến hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ để bảo đảm phù hợp với thực tiễn giải quyết yêu cầu dẫn độ, ngăn ngừa người phạm tội trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật với mục tiêu cuối cùng là truy bắt bằng được các đối tượng bỏ trốn. Theo đó, dự thảo Luật quy định trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan đưa ra một trong các thông báo sau đây: a) Thông báo không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ nếu người bị yêu cầu dẫn độ thuộc trường hợp không bị áp dụng hình phạt tử hình hoặc không bị thi hành hình phạt tử hình theo quy định của Bộ luật Hình sự; b) Thông báo không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ không thuộc trường hợp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này sau khi có ý kiến của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trường hợp Việt Nam yêu cầu nước ngoài không thi hành hình phạt tử hình đối với người bị yêu cầu dẫn độ, Bộ Công an đề nghị nước ngoài đưa ra cam kết bằng văn bản về nội dung này. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Viện trưởng Viện kiểm sát

nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và thủ trưởng các cơ quan khác có liên quan hướng dẫn chi tiết Điều này.

Bên cạnh đó, Điều 33 của dự thảo Luật Dẫn độ cũng đã bổ sung quy định về giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ. Theo đó, trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ theo quy định tại điều ước quốc tế về dẫn độ mà Việt Nam và nước đó là thành viên thì Bộ Công an kiểm tra tính hợp lệ của yêu cầu theo quy định tại điều ước quốc tế đó. Trường hợp yêu cầu hợp lệ, Bộ Công an chuyển ngay yêu cầu đó cho cơ quan Công an có thẩm quyền tiến hành giữ người và đưa vào cơ sở lưu trú người nước ngoài chờ xuất cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam. Thời hạn và nội dung văn bản yêu cầu giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ được thực hiện theo quy định tại điều ước quốc tế đó. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam giữ người trong trường hợp khẩn cấp trước khi có yêu cầu dẫn độ mà Việt Nam và nước đó không cùng là thành viên của điều ước quốc tế về dẫn độ thì Bộ Công an kiểm tra tính hợp lệ của yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp yêu cầu hợp lệ, Bộ Công an chuyển ngay yêu cầu đó cho cơ quan Công an có thẩm quyền tiến hành giữ người và đưa vào cơ sở lưu trú người nước ngoài chờ xuất cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam. Thời hạn giữ người trong trường hợp khẩn cấp không quá 45 ngày.

Việc bổ sung quy định này là nhằm triển khai thực hiện các quy định về bắt khẩn cấp trong các điều ước quốc tế về dẫn độ mà Việt Nam là thành viên (Indonesia, Hàn Quốc, Ô-xtrây-li-a), phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế về dẫn độ. Việc bổ sung quy định này là để cụ thể hóa quy định tại khoản 54 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2025. Việc bổ sung này là phù hợp với thực tiễn giải quyết yêu cầu dẫn độ, ngăn ngừa người bị yêu cầu dẫn độ bỏ trốn, gây khó khăn cho các cơ quan Việt Nam trong việc giải quyết yêu cầu dẫn độ của nước ngoài.

## **2. Đối với dự án Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù**

Dự thảo Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù được xây dựng trên cơ sở kế thừa các quy định còn hợp lý của Luật Tương trợ tư pháp và bổ sung các quy định mới để đáp ứng yêu cầu công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong giai đoạn hiện nay. Dự thảo Luật gồm 4 chương và 44 điều; trong đó, xây dựng mới 18 điều, sửa đổi, bổ sung nội dung 14 điều, bỏ 05 điều so với quy định của Luật Tương trợ tư pháp trong lĩnh vực chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Dự án Luật tập trung vào một số nội dung cơ bản sau:

2.1. Về phạm vi điều chỉnh, dự thảo Luật quy định theo hướng Luật này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù giữa Việt Nam với nước ngoài; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

2.2. Về đối tượng áp dụng, dự thảo Luật này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù giữa Việt Nam với nước ngoài.

2.3. Về áp dụng pháp luật và nguyên tắc chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, Điều 4 dự thảo Luật quy định: Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù được thực hiện theo quy định của Luật này; trường hợp Luật này không quy định thì áp dụng quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự, pháp luật về thi hành án hình sự và quy định khác của pháp luật có liên quan. Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc sau đây: a) Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; b) Trường hợp Việt Nam và nước ngoài không cùng là thành viên của điều ước quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù thì việc chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù được thực hiện theo nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái pháp luật của Việt Nam, phù hợp với pháp luật và tập quán quốc tế; c) Tôn trọng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người đang chấp hành án phạt tù.

2.4. Về Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, Điều 5 dự thảo Luật quy định Bộ Công an là Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù của Việt Nam và có trách nhiệm lập, gửi, tiếp nhận yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án.

2.5. Về áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, Điều 6 dự thảo Luật quy định cụ thể về điều kiện áp dụng nguyên tắc có đi có lại; Bộ Công an quyết định việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù với nước ngoài.

2.6. Về thời điểm người đang chấp hành án phạt tù có quyền rút đơn đề nghị được chuyển giao, Điều 7 dự thảo Luật quy định người đang chấp hành án phạt tù hoặc người đại diện theo pháp luật của người đó chỉ có quyền rút lại đơn đề nghị được chuyển giao trước khi quyết định tiếp nhận hoặc quyết định chuyển giao của Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam có hiệu lực. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

2.7., Về chi phí và kinh phí trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, dự thảo Luật quy định: Trường hợp Việt Nam là nước chuyển giao, Việt Nam chi trả các chi phí của công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù phát sinh đến thời điểm bàn giao người đang chấp hành án phạt tù, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp Việt Nam là nước nhận, Việt Nam chi trả các chi phí của công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù phát sinh từ thời điểm tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Kinh phí cho công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan. Người đang chấp hành án phạt tù, người đại diện theo pháp luật của người đó, cơ quan, tổ chức, cá nhân

khác có thể tự nguyện đóng góp, hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần chi phí sinh hoạt, đi lại và chi phí khác của người đang chấp hành án phạt tù được chuyển giao theo quy định của pháp luật. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Ngoài ra, dự thảo luật cũng quy định thẩm quyền quyết định tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam; điều kiện tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù từ nước ngoài về Việt Nam; trách nhiệm lập yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù của Việt Nam, dự thảo Luật quy định Bộ Công an có thể lập yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; trình tự, thủ tục xem xét yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; chuyển đổi hình phạt tù trong trường hợp tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam; chuyển giao phạm nhân người nước ngoài đang chấp hành án phạt tù tại các cơ sở giam giữ do Bộ Quốc phòng quản lý

### **3. Đối với dự án Luật Thi hành án hình sự (sửa đổi)**

Dự thảo Luật gồm 15 chương với 179 điều, nội dung cơ bản của dự thảo luật bao gồm:

3.1. Bổ sung quy định Công an cấp xã là cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự; sửa đổi, bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý thi hành án hình sự, cơ quan thi hành án hình sự, cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự; bổ sung quy định “thu thập thông tin sinh trắc học của phạm nhân gồm ảnh khuôn mặt, vân tay, móng mắt, ADN, giọng nói đối với những trường hợp chưa có thông tin” khi tiếp nhận người chấp hành án phạt tù; bổ sung quy định phạm nhân có quyền được hiến mô, một phần bộ phận cơ thể, được lưu trữ trứng, tinh trùng theo quy định pháp luật; được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về hiến mô, bộ phận cơ thể người; sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân, Công an cấp xã theo hướng: (1) Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng; (2) Trưởng Công an cấp xã có nhiệm vụ trực tiếp giúp Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, giám sát người chấp hành án hình sự tại cộng đồng; sửa đổi, bổ sung quy định về chế độ lao động của phạm nhân, tổ chức lao động cho phạm nhân và sử dụng kết quả lao động của phạm nhân; trong đó, bổ sung quy định trại giam tổ chức cho phạm nhân lao động trong và ngoài trại giam nhằm giáo dục cải tạo, rèn luyện kỹ năng lao động, góp phần chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng trên cơ sở quy định của Nghị quyết số 54/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về thí điểm mô hình tổ chức hoạt động lao động, hướng nghiệp, dạy nghề cho phạm nhân ngoài trại giam; sửa đổi, bổ sung quy định về xếp loại chấp hành án theo hướng không lấy kết quả khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của phạm nhân gây ra để nhận xét, đánh giá và xếp loại quá trình chấp hành án phạt tù của phạm nhân; sửa đổi, bổ sung quy định về chế độ đối với phạm nhân; quy định về tha tù trước thời hạn có điều kiện, thi hành án treo, thi hành án phạt cải tạo không giam giữ, thi hành án phạt cấm cư trú, quản chế, thi hành án phạt tước một số quyền công dân, thi hành biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh; sửa đổi, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ của Tòa án, Viện kiểm sát và các cơ quan, đơn vị trong thi hành án hình sự; bổ sung quy định về quản lý nhà nước về thi

hành án hình sự.

3.2. Dự thảo Luật bổ sung 10 điều, gồm các điều quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã, đơn vị quân đội trong quản lý, giám sát, giáo dục người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù; nghĩa vụ của người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù; về giải quyết trường hợp phạm nhân có nguyện vọng hiến mô, bộ phận cơ thể người; về giải quyết trường hợp người chấp hành án tại cộng đồng có nguyện vọng làm việc, học tập ngoài nơi cư trú; về nội dung quản lý nhà nước về thi hành án hình sự. Việc bổ sung này nhằm giải quyết khó khăn trong thực tiễn, hoàn thiện quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, nhất là Công an cấp xã trong công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng theo mô hình tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị và hoàn thiện quy định về quyền, nghĩa vụ, chế độ của người chấp hành án.

Đồng thời, Dự thảo Luật bãi bỏ 16 điều của Luật hiện hành, quy định về trách nhiệm phối hợp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thi hành án hình sự; về kiểm sát việc thi hành án hình sự; về phổ biến, giáo dục pháp luật về thi hành án hình sự; về nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội trong thi hành án hình sự; về thi hành quyết định tiếp nhận, chuyển giao đối với người đang chấp hành án phạt tù; về trách nhiệm của các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý công tác thi hành án hình sự. Việc bỏ các quy định này để phù hợp với quy định của các luật liên quan, không quy định lại những nội dung tại các luật, dự thảo luật đang xây dựng như Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; bảo đảm việc thực hiện chủ trương phân cấp, phân quyền; không quy định những nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ, các bộ, ngành.

#### **4. Đối với dự án Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú**

Dự thảo Luật gồm 12 chương (trong đó bổ sung 01 chương mới), 76 điều, trong đó sửa đổi, bổ sung nội dung 57 điều, xây dựng mới 10 điều, bỏ 08 điều, giữ nguyên 08 điều, tập trung vào các nội dung cơ bản như sau:

4.1. Dự thảo Luật bổ sung 01 Chương về thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú để đảm bảo việc thi hành biện pháp này hiệu quả trong thực tiễn; theo đó, dự thảo Luật bổ sung 07 điều, gồm: Gửi lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và phổ biến quyền, nghĩa vụ cho người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; thi hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao quản lý, theo dõi người bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; quyền và nghĩa vụ của người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; giải quyết vắng mặt tại nơi cư trú; giải quyết trong trường hợp thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc; xử lý trường hợp người chấp hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú vi phạm nghĩa vụ. Bên cạnh đó, rà soát bổ sung về trách nhiệm thực hiện yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị, quyết định của Viện kiểm sát nhân dân và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý, thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4.2. Bổ sung quy định về điều chuyển người bị tạm giữ, người bị tạm giam; trách nhiệm quản lý nhà nước về thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 5 Điều 123 Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc bổ sung này nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, hoàn thiện quy định về tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi cư trú.

4.3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung nhằm bảo đảm phù hợp về bố cục của dự thảo Luật, thống nhất với các luật khác, tăng cường phân cấp, phân quyền, giải quyết những tồn tại, khó khăn trong thực tiễn hiện nay, đáp ứng yêu cầu công tác trong thời gian tới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giám sát người bị tạm giữ, người bị tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú. Những nội dung sửa đổi, bổ sung chính gồm:

- Sửa đổi quy định về hệ thống tổ chức cơ quan quản lý, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú theo hướng không tổ chức cơ quan quản lý, cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam ở cấp huyện; bổ sung Bộ Tư lệnh vùng Cảnh sát biển là cơ quan quản lý thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú; bổ sung Buồng tạm giữ của Cảnh sát biển là cơ quan thi hành tạm giữ, tạm giam; bổ sung Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, đơn vị quân đội là đơn vị được giao một số nhiệm vụ thi hành biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; quy định mang tính nguyên tắc về hệ thống tổ chức các cơ quan này và giao Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định cụ thể;

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý người bị tạm giữ, người bị tạm giam như tiếp nhận, thu thập sinh trắc học, chăm sóc y tế, trích xuất, giam giữ chung người bị tạm giữ, người bị tạm giam; giải quyết trường hợp con của người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo mẹ vào cơ sở giam giữ chết, người bị tạm giữ, người bị tạm giam chết là người nước ngoài;

- Bổ sung một số quy định về chế độ của người bị tạm giữ, người bị tạm giam, của người bị tạm giữ, người bị tạm giam là người dưới 18 tuổi, phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, của người bị kết án tử hình đang bị tạm giam, như: Nhận tiền và đồ vật thiết yếu phục vụ sinh hoạt của thân nhân gửi và quy định mang tính nguyên tắc về việc cơ sở giam giữ tổ chức căng tin; gửi, nhận thư, sách báo và tài liệu, chế độ chăm sóc y tế; chế độ sinh hoạt tinh thần ...

## **5. Đối với dự án Luật Phòng, chống ma túy (sửa đổi)**

Dự thảo Luật gồm 08 chương, 53 điều; trong đó, giữ nguyên 18 điều, sửa đổi, bổ sung 28 điều, bổ sung 07 điều, bỏ 09 điều của Luật Phòng, chống ma túy năm 2021; đồng thời, sửa đổi, bổ sung 16 điều, bỏ 04 điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, cụ thể:

a) Về nội dung sửa đổi, bao gồm:

*Một là*, sửa đổi, bổ sung quy định của Luật về cơ sở cai nghiện ma túy, theo đó các loại hình cơ sở cai nghiện ma túy gồm:

- Cơ sở cai nghiện ma túy công lập thực hiện cai nghiện ma túy bắt buộc, cai nghiện ma túy tự nguyện cho người từ đủ 18 tuổi trở lên;

- Cơ sở cai nghiện ma túy tự nhân thực hiện cai nghiện ma túy tự nguyện.
- Trường giáo dưỡng thực hiện cai nghiện ma túy bắt buộc, cai nghiện ma túy tự nguyện cho người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi để bảo đảm phù hợp với điều kiện, môi trường quản lý của trường giáo dưỡng, bảo đảm quyền lợi của họ, nhất là việc tiếp tục học văn hóa.

*Hai là*, sửa đổi, bổ sung quy định về quy trình cai nghiện ma túy phải bảo đảm thực hiện đủ 05 giai đoạn; riêng đối với việc cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy tự nhân tiếp tục quy định phải bảo đảm thực hiện ít nhất 03 giai đoạn đầu trong quy trình cai nghiện ma túy, đối với 02 quy trình còn lại thì người nghiện ma túy phải thực hiện tại gia đình, cộng đồng. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung quy định về thời hạn cai nghiện ma túy đối với người cai nghiện ma túy lần đầu là 24 tháng, đối với người cai nghiện ma túy từ lần thứ hai trở lên là 36 tháng và áp dụng đối với tất cả hình thức cai nghiện ma túy tự nguyện, cai nghiện ma túy bắt buộc. Việc sửa đổi, bổ sung này để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thời gian qua, bảo đảm hiệu quả của công tác cai nghiện ma túy; tổng kết thực tiễn thời gian qua cho thấy, tỷ lệ cai nghiện ma túy thành công rất thấp, tỷ lệ tái nghiện rất cao, cần quy định thời hạn cai nghiện phải bảo đảm thời gian để thực hiện đầy đủ quy trình cai nghiện ma túy, sau khi hoàn thành cai nghiện thì người được cai nghiện ma túy tái hòa nhập cộng đồng, không nghiện trở lại.

*Ba là*, sửa đổi, bổ sung các quy định về thẩm quyền trong quản lý nhà nước về công tác cai nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy để bảo đảm phù hợp với phân công nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền và thực tiễn công tác; sửa đổi, bổ sung quy định để thực hiện phân quyền, phân cấp tại 05 nội dung cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Công an cấp tỉnh, Trưởng Công an cấp xã để bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương mới và việc chuyển nhiệm vụ quản lý nhà nước về cai nghiện ma túy từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Bộ Công an. Đồng thời, dự thảo Luật quy định các nội dung giao Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương quy định chi tiết để phù hợp với nguyên tắc phân định thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

*Bốn là*, rà soát, sửa đổi các quy định để bảo đảm phù hợp với việc bổ sung Tội sử dụng trái phép chất ma túy trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự đã được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 9.

b) Về nội dung bổ sung, bao gồm:

*Một là*, bổ sung quy định về thi hành quyết định đưa đến cơ sở cai nghiện ma túy và hoãn, miễn, tạm đình chỉ chấp hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc để thực hiện thống nhất quy trình đưa đến các cơ sở cai nghiện ma túy và bảo đảm phù hợp với việc không tổ chức chính quyền, Công an cấp huyện và tiếp nhận nhiệm vụ quản lý nhà nước về cai nghiện ma túy từ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Bộ Công an.

*Hai là*, bổ sung trường hợp được áp dụng biện pháp áp giải người vi phạm để xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể theo yêu cầu của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy để khắc phục tình trạng người được yêu cầu xét nghiệm chất ma túy không vì trở ngại khách quan nhưng không hợp tác, chống đối khi nhận được yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.

*Ba là*, bổ sung “thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản có chứa chất ma túy, tiền chất” vào quy định về kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy để kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng để sản xuất ma túy và tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển kinh tế.

c) Về nội dung lược bỏ: Dự thảo Luật bỏ 09 điều, vì đã được chuyển sang các điều khác trong dự thảo Luật và để phù hợp với nguyên tắc phân định thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương; đồng thời, bỏ cụm từ và bãi bỏ một số điểm, khoản, điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính vì các nội dung đã được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật.

## **6. Đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lý lịch tư pháp**

Dự thảo Luật gồm 03 điều, trong đó, Điều 1 sửa đổi, bổ sung 21/57 điều; bổ sung 02 điều mới; bãi bỏ 05/57 điều của Luật Lý lịch tư pháp hiện hành. Điều 2 và Điều 3 quy định về điều khoản thi hành và điều khoản chuyển tiếp. Nội dung sửa đổi, bổ sung tập trung vào những vấn đề sau đây:

### **6.1. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện:**

- Sửa đổi theo hướng mở rộng mục đích quản lý lý lịch tư pháp và quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để phù hợp với chủ trương của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và đáp ứng nhu cầu quản lý nhà nước của các cơ quan, tổ chức nhà nước cần biết về thông tin lý lịch tư pháp.

- Sửa đổi mô hình Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp từ 02 cấp phân tán, chưa tập trung sang mô hình Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp một cấp tập trung, thống nhất; đồng thời sửa đổi quy định về việc tiếp nhận, cập nhật thông tin lý lịch tư pháp để phù hợp với mô hình Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp một cấp và chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công an.

- Sửa đổi theo hướng cụ thể là “Tòa án quân sự Trung ương” có nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về án tích của người bị Tòa án quân sự kết án và cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an bảo đảm Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp được tập trung, thống nhất.

- Sửa đổi tên một số nguồn thông tin lý lịch tư pháp theo quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự, Luật Thi hành án dân sự, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú.

- Sửa đổi, bổ sung quy định cơ quan, tổ chức không được yêu cầu cá nhân cung cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 và quy định việc sử dụng Phiếu lý lịch tư pháp nhằm khắc phục tình trạng lạm dụng Phiếu lý lịch tư pháp số 2 và phù hợp với quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

## 6.2. Một số nội dung bổ sung:

- Bổ sung một số quy định liên quan đến nguồn thông tin lý lịch tư pháp theo quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Thi hành án hình sự hiện nay, Luật Thi hành án dân sự, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú đang sửa đổi, bổ sung và nhiệm vụ cơ quan Tòa án, cơ quan Công an trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp nhằm bảo đảm phù hợp với việc bổ sung nguồn thông tin lý lịch tư pháp nêu trên.

- Bổ sung quy định Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp liên thông, đồng bộ với hệ thống dữ liệu quốc gia về dân cư và kết nối, chia sẻ với các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác và các tiêu chuẩn của Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp.

- Bổ sung trách nhiệm của cơ quan điều tra, cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát trong việc cung cấp thông tin về hành vi phạm tội mới là các thông tin liên quan đến khởi tố, điều tra, truy tố của người đã có lý lịch tư pháp cho Cục Hồ sơ nghiệp vụ Bộ Công an, Công an cấp tỉnh.

- Để phù hợp với mối quan hệ phối hợp công tác liên thông trao đổi kết nối thông tin giữa các cơ quan nhà nước, dự thảo Luật đã bổ sung quy định cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho cơ quan, tổ chức thay cho Phiếu lý lịch tư pháp.

## 6.3. Một số nội dung lược bỏ:

- Để phù hợp với cơ cấu tổ chức của Bộ Công an, dự thảo Luật bãi bỏ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; bãi bỏ quy định về “Giấy chứng nhận đương nhiên xóa án tích” và việc xử lý thông tin này để phù hợp với quy định của Bộ luật Hình sự.

- Hợp nhất các quy định về nhiệm vụ của cơ quan Công an trong việc cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại một điều luật (Điều 18 Luật Lý lịch tư pháp); đồng thời bãi bỏ Điều 21 Luật Lý lịch tư pháp.

- Hợp nhất quy định về nhiệm vụ của Cục Hồ sơ nghiệp vụ và Công an cấp tỉnh trong việc xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại một điều luật (Điều 12 Luật Lý lịch tư pháp); đồng thời bãi bỏ Điều 13 Luật Lý lịch tư pháp.

- Hợp nhất quy định về nhiệm vụ của Cục Hồ sơ nghiệp vụ và Công an cấp tỉnh trong việc tiếp nhận, cung cấp thông tin về án tích tại một điều luật (Điều 22 Luật Lý lịch tư pháp); đồng thời bãi bỏ Điều 23 Luật Lý lịch tư pháp.

- Hợp nhất quy định về thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 1 và thủ tục yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 tại một điều luật (Điều 45 Luật Lý lịch tư pháp), đồng thời bãi bỏ Điều 46 Luật Lý lịch tư pháp.

## 6.4. Một số nội dung về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và phân cấp, phân quyền:

- Bổ sung quy định về Phiếu lý lịch tư pháp điện tử, đa dạng các phương thức cấp Phiếu lý lịch tư pháp, thời gian cấp Phiếu lý lịch tư pháp giảm còn 05 ngày.

- Bổ sung quy định về không phân biệt địa giới hành chính trong yêu cầu

cấp Phiếu lý lịch tư pháp, theo đó cá nhân có quyền nộp hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tiếp tại bất kỳ Công an cấp tỉnh hoặc Công an cấp xã.

- Để tăng cường phân cấp, phân quyền trong giải quyết thủ tục hành chính cấp Phiếu lý lịch tư pháp, dự thảo Luật đã bổ sung quy định về việc phân cấp cho Công an cấp xã trong việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực lý lịch tư pháp.

## **7. Đối với dự án Luật An ninh mạng**

Dự thảo Luật gồm 09 chương với 58 điều; trong đó: kế thừa 30 điều của Luật An ninh mạng năm 2018 (giữ nguyên 21 điều, sửa đổi, bổ sung 09 điều); kế thừa 16 điều của Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) (giữ nguyên 12 điều, sửa đổi, bổ sung 04 điều); hợp nhất nội dung của 09 điều luật của 02 luật nêu trên; bổ sung 03 điều.

Với các nội dung mới được sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Luật An ninh mạng; cụ thể như sau:

**7.1.** Bổ sung quy định về bảo đảm an ninh dữ liệu. Hiện nay, dữ liệu được xem là “hạt nhân” của quá trình chuyển đổi số. Không có dữ liệu thì không thể triển khai được Chính phủ điện tử, không thể cung cấp dịch vụ công trực tuyến, không thể xây dựng nền kinh tế số, xã hội số... Trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư, dữ liệu là tài sản quốc gia; tuy nhiên, thực tế, nước ta đang chủ yếu quan tâm đến việc quản lý, khai thác, sử dụng, xử lý dữ liệu để phục vụ chuyển đổi số mà chưa có quy định cụ thể về việc bảo đảm an ninh, an toàn với dữ liệu nói chung.

Tại Kỳ họp thứ 9 vừa qua, Quốc hội đã thông qua Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, tuy nhiên, ngoài dữ liệu cá nhân, dữ liệu còn gồm dữ liệu tổ chức, dữ liệu hệ thống, dữ liệu trong quá trình truyền tải, hạ tầng công nghệ và dữ liệu về quyền riêng tư của người dùng. Với thuộc tính đa dạng ấy, khi dữ liệu bị chiếm đoạt, sử dụng, khai thác trái phép hoặc tiêu hủy thì hậu quả sẽ vô cùng nguy hiểm, có thể trực tiếp ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, thậm chí gây ra thảm họa khôn lường. Với sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ cùng với những đặc tính riêng có của dữ liệu thì an ninh dữ liệu đã trở thành một bộ phận không thể tách rời của an ninh mạng. Việc bảo đảm an ninh dữ liệu là yếu tố vô cùng quan trọng, không thể thiếu và là yêu cầu xuyên suốt trong quá trình chuyển đổi số quốc gia và xây dựng hệ sinh thái số tại Việt Nam hiện nay và thời gian tới.

**7.2.** Bổ sung quy định yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên không gian mạng có trách nhiệm định danh địa chỉ IP và cung cấp cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng. Địa chỉ IP là địa chỉ đơn nhất tương tự “địa chỉ địa lý” trên không gian mạng cho phép các thiết bị điện tử (máy tính, điện thoại thông minh...) nhận diện và liên lạc với nhau để trao đổi thông tin, dữ liệu. Địa chỉ IP cho phép lực lượng chức năng xác định địa điểm, thời gian và thông tin về thuê bao sử dụng để kết nối, truy cập vào mạng Internet (giống như xác định thông tin cư trú đối với một địa chỉ nhà cố định).

Địa chỉ IP do Bộ Khoa học và Công nghệ (trực tiếp là Trung tâm Internet Việt Nam) quản lý nhà nước, có chức năng quản lý cấp phát, phân bổ, điều phối các khối địa chỉ IP của Việt Nam cho các nhà cung cấp dịch vụ Internet và các tổ chức sử dụng. Tuy nhiên, các nhà cung cấp dịch vụ Internet mới là chủ thể định danh và quản lý, cấp phát địa chỉ IP cho các thuê bao khách hàng sử dụng để kết nối với mạng Internet và các địa chỉ IP này thường xuyên được thay đổi từ thuê bao này sang thuê bao khác, từ địa điểm này sang địa điểm khác hoặc thu hồi không sử dụng mà chưa có cơ quan chức năng nào quản lý về an ninh, trật tự đối với hoạt động này.

Việc định danh và quản lý, khai thác thông tin địa chỉ IP phục vụ công tác bảo đảm an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội thời gian qua còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu công tác (tỷ lệ tra cứu địa chỉ IP có thông tin rất thấp; thời gian tra cứu rất chậm không còn ý nghĩa nghiệp vụ) gây khó khăn rất lớn cho công tác nghiệp vụ, đấu tranh phòng chống tội phạm. Lực lượng chức năng hiện nay xác minh thông qua gửi yêu cầu tra cứu tới các nhà cung cấp dịch vụ Internet và phụ thuộc hoàn toàn vào mức độ phối hợp của các doanh nghiệp (cơ chế xin cho) và làm phát sinh một số hành vi tiêu cực tại các doanh nghiệp như: mua bán thông tin, cơ chế riêng trong việc cung cấp thông tin và có nguy cơ bị lộ lọt thông tin, đối tượng, hoạt động nghiệp vụ của lực lượng công an.

Thực tế về kỹ thuật, việc định danh, quản lý toàn bộ địa chỉ IP có các nhà cung cấp dịch vụ internet cấp phát là hoàn toàn khả thi. Các doanh nghiệp luôn chủ động trong việc định danh địa chỉ IP để phục vụ việc tính cước, thu phí sử dụng Internet. Tuy nhiên, việc cung cấp thông tin cho lực lượng công an phục vụ đảm bảo an ninh trật tự thì không chủ động; không đồng ý giải pháp kỹ thuật (API) cho phép lực lượng công an kết nối vào cơ sở dữ liệu để chủ động tra cứu; cũng như từ chối cung cấp toàn bộ dữ liệu cho lực lượng chức năng khi được đề nghị hợp tác.

Từ thực trạng nêu trên, việc quy định yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet tại Việt Nam có trách nhiệm định danh, quản lý, cung cấp thông tin sử dụng địa chỉ IP cho lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao quản lý tập trung, khai thác phục vụ công tác bảo đảm an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là phù hợp, khả thi và rất cấp thiết, đảm bảo khắc phục các tồn tại, bất cập hiện nay; đặc biệt là trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên chuyển đổi số mạnh mẽ và yêu cầu bảo vệ chủ quyền quốc gia trên không gian mạng.

**7.3. Bổ sung quy định về kinh phí bảo vệ an ninh mạng của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị phải bảo đảm tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai đề án, dự án, chương trình, kế hoạch đầu tư, ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin.** Dự thảo Luật quy định về kinh phí bảo vệ an ninh mạng của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị phải bảo đảm tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai đề án, dự án, chương trình, kế hoạch đầu tư, ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin. Bởi đây là mức thông lệ chung trên thế giới và cũng đã được nêu tại Chỉ thị số 14 ngày 07

tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam, cụ thể: “Bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng đạt tối thiểu 10% trong tổng kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm, giai đoạn 5 năm và các dự án công nghệ thông tin (trong trường hợp chủ đầu tư chưa có hệ thống kỹ thuật hoặc thuê dịch vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng chuyên biệt đáp ứng được các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ)”. Nội dung tiếp tục được nhắc lại tại Quyết định số 964 ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030; tại Công điện số 33 ngày 07 tháng 4 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng.

**7.4.** Bổ sung quy định về việc khuyến khích các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, doanh nghiệp nhà nước sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghiệp an ninh của Việt Nam bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng để nâng cao năng lực tự chủ về an ninh mạng.

**7.5.** Bổ sung quy định về việc người đứng đầu, chịu trách nhiệm phụ trách hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia phải tham gia sát hạch và được cấp chứng chỉ về an ninh mạng. Trong bối cảnh hiện nay đây là yêu cầu cấp thiết, nhiều tổ chức, doanh nghiệp chưa có đội ngũ nhân lực được đào tạo bài bản dẫn đến việc xử lý sự cố chậm trễ, không hiệu quả.

**7.6.** Các nội dung hợp nhất, bổ sung mới trong dự thảo Luật nhằm bảo đảm phù hợp, thống nhất với cơ cấu, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, được quy định tại các văn bản luật khác như: Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi); Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an...

## **8. Đối với dự án Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (sửa đổi)**

Dự thảo Luật Bảo vệ bí mật nhà nước (sửa đổi) gồm 05 chương, 28 điều; trong đó, giữ nguyên 07 điều, sửa đổi, bổ sung 21 điều so với quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018; gồm những nội dung cơ bản như sau:

**8.1.** Bổ sung khái niệm “mạng LAN độc lập”, “Văn bản điện tử bí mật nhà nước” vào điều giải thích từ ngữ để tránh cách hiểu khác nhau khi áp dụng. Theo đó, *mạng LAN độc lập* là mạng cục bộ được thiết lập trong khu vực trụ sở cơ quan, tổ chức, không kết nối với mạng Internet, mạng viễn thông; có lực lượng, phương tiện, biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn phòng, chống xâm phạm bí mật nhà nước; *Văn bản điện tử bí mật nhà nước* là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy đã xác định, đóng dấu chỉ độ mật và trình bày đúng thể thức, kỹ thuật, định dạng theo quy định của Luật này và pháp luật về văn thư.

**8.2.** Mở rộng, cho phép soạn thảo, lưu giữ bí mật nhà nước trên mạng máy tính là “mạng LAN độc lập” được thiết lập trong phạm vi trụ sở cơ quan, tổ chức, không phải mã hóa bằng mật mã cơ yếu nhằm tháo gỡ triệt để vướng mắc tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018. Vì hầu hết hiện nay các ban, bộ, ngành, địa phương sử dụng máy tính có kết nối với nhau để soạn thảo, lưu giữ, gửi nhận bí mật nhà nước, những mạng này được kết nối, hoạt động độc lập với mạng Internet và được thiết lập trong khu vực phạm vi trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức nên việc bắt buộc trang bị giải pháp cơ yếu khi soạn thảo, lưu giữ, đăng tải, truyền đưa bí mật nhà nước trên mạng máy tính (bao gồm cả mạng LAN độc lập, riêng biệt) không bảo đảm tính khả thi và tốn kém nhiều kinh phí để thực hiện. Do đó, dự thảo Luật đã mở rộng thêm giải pháp, biện pháp bảo vệ khi soạn thảo, lưu giữ, truyền đưa bí mật nhà nước để phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

**8.3.** Bổ sung quy định nghiêm cấm đối với hành vi sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo để xâm phạm bí mật nhà nước để bảo đảm phù hợp với sự phát triển khoa học công nghệ, trong đó phải kể đến sự phát triển của hệ thống trí tuệ nhân tạo trong giai đoạn hiện nay.

**8.4.** Bổ sung quy trình xác định, bảo vệ đối với bí mật nhà nước là dự thảo văn bản theo hướng giao Chính phủ hướng dẫn và quy định chi tiết; thẩm quyền, trách nhiệm trong hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước đối với chính quyền cấp xã và một số cơ quan ở trung ương tổ chức theo mô hình khu vực (hải quan, kho bạc, dự trữ nhà nước, viện kiểm sát, tòa án). Do Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 chưa quy định việc xác định bí mật nhà nước đối với dự thảo văn bản chứa nội dung bí mật nhà nước, do đó, quy định này sẽ khắc phục những khó khăn trong việc bảo vệ và xử lý hành vi làm lộ thông tin bí mật nhà nước trong dự thảo trên thực tiễn trong thời gian qua.

**8.5.** Bổ sung, hoàn thiện các quy định về xử lý văn bản chứa nội dung bí mật nhà nước trên môi trường điện tử để phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ và yêu cầu chuyển đổi số quốc gia, theo hướng Luật quy định nguyên tắc, giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết như: xác định bí mật nhà nước, độ mật của bí mật nhà nước, gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, điều chỉnh độ mật, giải mật...

**8.6.** Bãi bỏ một số nội dung quy định thủ tục hành chính trong nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương liên quan đến hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước nhằm cắt giảm thủ tục hành chính trong nội bộ cơ quan, tổ chức, phù hợp với triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, như: thủ tục ủy quyền cho phép sao, chụp; xin phép mang tài liệu, vật chứa bí mật nhà nước ra khỏi nơi lưu giữ phục vụ công tác trong nước; thu hồi tài liệu bí mật nhà nước sau hội nghị, hội thảo, cuộc họp có nội dung bí mật nhà nước do cơ quan, tổ chức Việt Nam tổ chức; thủ tục thành lập hội đồng giải mật đối với trường hợp sử dụng bí mật nhà nước của cơ quan, tổ chức khác mà bí mật nhà nước đó đã được cơ quan, tổ chức xác định giải mật...

**9. Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật liên quan đến an**

## **ninh, trật tự**

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật liên quan đến an ninh, trật tự gồm 12 điều; trong đó: 1) Sửa đổi, bổ sung **03/36** điều của Luật Cảnh vệ; 2) Sửa đổi, bổ sung **18/59** điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; 3) Sửa đổi, bổ sung **15/53** điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và bổ sung **02** điều mới vào Luật này; 4) Sửa đổi, bổ sung **11/38** điều của Luật Cư trú; 5) Sửa đổi, bổ sung **06/46** điều của Luật Căn cước; 6) Sửa đổi, bổ sung **06/33** điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; 7) Sửa đổi, bổ sung **24/89** điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; 8) Sửa đổi, bổ sung **25/86** điều, trong đó, bãi bỏ **01** điều của Luật Đường bộ; 9) Sửa đổi, bổ sung **23/75** điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; 10) Sửa đổi, bổ sung **05/55** điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Việc xây dựng dự án Luật nhằm bảo đảm quy định của 10 luật liên quan đến an ninh, trật tự phù hợp với kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, chính quyền địa phương 02 cấp, đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn, phù hợp với chủ trương đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phân cấp, phân quyền, cắt giảm thủ tục hành chính và thống nhất với hệ thống pháp luật. Theo đó, nội dung cơ bản của dự thảo Luật, cụ thể như sau:

**Thứ nhất**, về Luật Cảnh vệ, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến Ban Đối ngoại Trung ương và Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội, chính quyền cấp quận.

**Thứ hai**, về Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam:

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thị trấn, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân thị trấn, Công an thị trấn.

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung các nội dung để giải quyết khó khăn, vướng mắc: 1) Bổ sung đối tượng cấp thị thực ưu đãi gồm: “UĐ1 cấp cho người nước ngoài thuộc diện ưu đãi theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số hoặc quy định khác do Quốc hội ban hành và UĐ2 cấp cho người nước ngoài là vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của người nước ngoài được cấp thị thực ký hiệu UĐ1”, đồng thời, bổ sung các quy định về thời hạn thị thực, thời hạn tạm trú, điều kiện cấp thị thực đối với đối tượng này; 2) Bổ sung trường hợp được miễn thị thực đối với người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội được miễn thị thực có thời hạn theo quy định của Chính phủ; 3) Bổ sung quy định người nước ngoài nhập cảnh không có thẻ thường trú, thẻ tạm trú còn giá trị sử dụng thì được cấp chứng nhận tạm trú tại cửa khẩu trong trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì thời hạn tạm trú cấp theo điều ước quốc tế; 4) Bổ sung trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Công an quyết định trường hợp cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ thường trú tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh vì lý do ngoại giao, quốc phòng, an ninh; 5) Bổ

sung quyền được bảo lãnh, mời do ông, bà là công dân Việt Nam thường trú ở trong nước mời, bảo lãnh người nước ngoài là cháu nội, cháu ngoại vào Việt Nam thăm; 6) Bổ sung trách nhiệm của Chính phủ trong cấp, sử dụng định danh điện tử cho người nước ngoài.

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung các quy định về 03 thủ tục hành chính: 1) Bổ sung hình thức thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua tài khoản định danh điện tử trong thủ tục đề nghị cấp thị thực; sửa đổi hình thức thực hiện qua tài khoản định danh điện tử về thủ tục đề nghị cấp thị thực điện tử; 2) Bãi bỏ quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thanh toán khoản cước phí để thực hiện việc thông báo cấp thị thực trong thủ tục đề nghị cấp thị thực; 3) Bãi bỏ thành phần hồ sơ là đơn báo mất thẻ thường trú trong thủ tục đề nghị cấp lại thẻ thường trú.

**Thứ ba,** về Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam:

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến các tổ chức sau khi sát nhập vào Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ ngày 01/7/2025 và sau khi không tổ chức các đơn vị hành chính cấp huyện, Công an cấp huyện.

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung các nội dung để giải quyết khó khăn, vướng mắc như: 1) Bổ quy định về “số chứng minh nhân dân”; 2) Bổ sung quy định về hộ chiếu phổ thông cấp theo thủ tục rút gọn chỉ có giá trị sử dụng 01 lần; 3) Bổ sung quy định loại trừ trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh khi người đó đang ở nước ngoài; 4) Bổ sung các trường hợp thu hồi, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu, gồm: hủy giá trị sử dụng của hộ chiếu phổ thông còn thời hạn đối với trường hợp đã được cấp hộ chiếu mới; thu hồi, hủy giá trị sử dụng của hộ chiếu của người đã được cấp nhưng bị sai thông tin chi tiết nhân thân; 4) Bổ sung trách nhiệm của Bộ Ngoại giao trong chủ trì, phối hợp với Bộ Công an quy định việc cấp công hàm hỗ trợ xin thị thực do Cơ quan Lãnh sự Bộ Ngoại giao, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và cơ quan được Bộ Ngoại giao ủy quyền thực hiện.

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định về 03 thủ tục hành chính: Bỏ thành phần hồ sơ là bản chụp giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân khác, bỏ quy định xuất trình bản chính để đối chiếu và bổ sung quy định xuất trình thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc căn cước điện tử đối với các thủ tục hành chính gồm: cấp, gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ trong nước; cấp hộ chiếu phổ thông trong nước; cấp hộ chiếu phổ thông ở nước ngoài.

**Thứ tư,** về Luật Cư trú:

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến đơn vị hành chính cấp huyện ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, Công an thị trấn, Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương ở nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung các nội dung để giải quyết khó khăn, vướng mắc: 1) Bổ sung quy định cho phép giải quyết đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú khi biết rõ người đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú không sinh sống tại chỗ ở đó trong trường hợp đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú cho trẻ em dưới 6 tuổi về với cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ; 2) Sửa đổi, bổ sung các quy định đối với người chưa thành niên trong đăng ký thường trú; quy định về điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú; 3) Bổ quy định người chưa thành niên đăng ký thường trú thì trong tờ khai thay đổi thông tin cư trú phải ghi rõ ý kiến đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ; 4) Bổ sung trường hợp bị xóa đăng ký thường trú khi bị hủy bỏ quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam; 5) Bổ sung đối tượng chủ sở hữu phương tiện hoặc người được giao quản lý phương tiện có trách nhiệm thông báo lưu trú; 6) Bãi bỏ quy định về số Chứng minh nhân dân trong nội dung thông báo về lưu trú.

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định về 02 thủ tục hành chính: 1) Bổ sung quy định về hồ sơ đăng ký thường trú trong trường hợp người chưa thành niên về ở với cha, mẹ, người giám hộ thì không phải có ý kiến đồng ý cho đăng ký thường trú của chủ hộ, chủ sở hữu chỗ ở hợp pháp; 2) Sửa đổi, bổ sung quy định về điều chỉnh thông tin cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú, theo đó, khi có sự thay đổi thông tin về hộ tịch của cơ quan có thẩm quyền, thông tin thay đổi về hộ tịch của công dân được cập nhật từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ sở dữ liệu về cư trú.

**Thứ năm,** về Luật Căn cước:

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến thị trấn, đơn vị hành chính cấp huyện, Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung các nội dung để giải quyết khó khăn, vướng mắc: 1) Bổ sung liệt kê cụ thể các cơ quan quản lý căn cước trong Công an nhân dân; 2) Bổ sung quy định công dân bị huỷ bỏ quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam thì bị thu hồi thẻ căn cước; 3) Bổ sung quy định người được cấp căn cước điện tử phải xuất trình căn cước điện tử theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thì cơ quan, tổ chức, cá nhân đó không được yêu cầu người được cấp căn cước điện tử xuất trình giấy tờ hoặc cung cấp thông tin đã được tích hợp vào căn cước điện tử.

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định về 02 thủ tục hành chính: bổ sung trường hợp người có thông tin trên thẻ căn cước thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính, người bị mất thẻ căn cước hoặc thẻ căn cước bị hư hỏng không sử dụng được thực hiện thủ tục cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước trực tuyến trên cổng dịch vụ công, ứng dụng định danh quốc gia hoặc trực tiếp tại nơi làm thủ tục cấp thẻ căn cước.

**Thứ sáu,** về Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến đơn vị hành chính cấp huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp

huyện tại nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Thứ bảy,** về Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ:

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến nhiệm vụ quản lý nhà nước về sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ đang quy định Bộ Giao thông vận tải thực hiện thành quy định giao Bộ Công an thực hiện; sửa đổi cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” thành “Bộ Xây dựng”, “Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội” thành “Bộ Giáo dục và đào tạo”.

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung các nội dung để giải quyết khó khăn, vướng mắc: 1) Sửa đổi quy định về các phương tiện phải lắp thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; 2) Sửa đổi quy định về đèn tín hiệu của xe quân sự có đèn nhấp nháy màu xanh và đỏ; 3) Bãi bỏ quy định phương tiện giao thông thông minh là xe cơ giới cho phép tự động hóa một phần hoạt động điều khiển phương tiện; 4) Bổ sung trách nhiệm của Bộ Xây dựng trong quy định tiêu chuẩn, tập huấn đăng kiểm viên; 5) Bổ sung quy định trường hợp cơ sở đăng kiểm từ chối kiểm định phương tiện; 6) Bổ sung quy định về nâng hạng giấy phép lái xe; 7) Bổ sung nội dung giao Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về đào tạo lái xe, sát hạch lái xe, cấp, đổi, cấp lại và thu hồi giấy phép lái xe cho đối tượng thuộc lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; 8) Bổ sung quy định về trường hợp thu hồi giấy phép lái xe khi người được cấp có hành vi gian dối để được cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe; 9) Sửa đổi, bổ sung quy định về thời gian lái xe liên tục của người lái xe trong một ngày, một tuần thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

**Thứ tám,** về Luật Đường bộ:

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến tổ chức cơ quan thanh tra và phù hợp với việc chuyển nhiệm vụ sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ về Bộ Công an: sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến Bộ Giao thông vận tải, đường huyện, trung tâm hành chính của huyện, thị xã, cấp huyện; quy định Thanh tra đường bộ có nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về hoạt động sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; bỏ quy định về thẩm tra, thẩm định an toàn giao thông đường bộ đối với đường bộ có cấp kỹ thuật A, B, C, D, đường phố gom, đường nội bộ đô thị.

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung nội dung về phân cấp, phân quyền: 1) Điều chỉnh thẩm quyền phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ Xây dựng; 2) Điều chỉnh thẩm quyền phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ Xây dựng; 3) Điều chỉnh thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo hướng phân quyền cho Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định việc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý tuyến, đoạn tuyến quốc lộ; 3) Điều chỉnh thẩm quyền công bố tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ của Bộ Xây dựng cho cơ quan quản lý đường bộ thuộc Bộ Xây dựng; 4) Điều chỉnh thẩm quyền công bố về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ và đường chuyên dùng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho cơ quan

chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**Thứ chín**, về Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ:

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan quân sự cấp huyện, cơ quan Công an cấp huyện.

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định về 11 thủ tục hành chính theo hướng cho phép giải quyết thủ tục hành chính trên Ứng dụng định danh điện tử quốc gia.

- Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung nội dung về phân cấp, phân quyền: 1) Điều chỉnh thẩm quyền quyết định trang bị loại vũ khí quân dụng của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Công an; 2) Điều chỉnh thẩm quyền giao nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp từ Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; 3) Điều chỉnh thẩm quyền quy định cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ từ Bộ Công Thương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; 4) Điều chỉnh thẩm quyền cho phép tổ chức khác được phép thực hiện tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ từ Thủ tướng Chính phủ cho Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

**Thứ mười**, về Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến đơn vị hành chính cấp huyện nơi không tổ chức đơn vị hành chính cấp xã, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Trường Công an cấp huyện.

## **10. Dự án luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp**

Dự thảo Luật gồm 02 Điều, cụ thể như sau: Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp: gồm 05 khoản, sửa đổi, bổ sung 04 điều của Luật, bổ sung 01 mục (gồm 04 điều) về Tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia vào Chương II của Luật. Điều 2. Hiệu lực thi hành.

### **Nội dung cơ bản của dự thảo Luật**

#### *10.1. Về thiết lập Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh*

Hiện nay, Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp đã có quy định về Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh tại Điều 22 và giao Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập, quản lý, phân bổ và sử dụng Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh. Chính phủ đã ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều về quản lý nguồn lực tài chính cho công nghiệp quốc phòng, an ninh và Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh.

Tuy nhiên, trên cơ sở chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về thiết lập quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh độc lập và không trùng nội dung chi với Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh, với các cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro, có thể đầu tư mạo hiểm vào các hoạt động liên quan nhằm xây dựng công nghiệp an ninh, Chính phủ đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Luật

Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp để tách Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh thành 02 quỹ độc lập, gồm Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh và Quỹ công nghiệp quốc phòng. Giao Bộ Công an quản lý Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh, đồng thời, do không sử dụng quỹ chung nên phân cấp quản lý Quỹ công nghiệp quốc phòng từ Chính phủ cho Bộ Quốc phòng. Ngoài ra, bổ sung một số quy định đặc thù của Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp an ninh gồm nguồn tài chính từ đóng góp của các thành viên tham gia Tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia, nguyên tắc hoạt động chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm nhằm xây dựng, phát triển công nghiệp an ninh, đặc biệt, khẳng định nguyên tắc không trùng nội dung chi với Quỹ công nghiệp quốc phòng.

### *10.2. Về hình thành Tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia*

Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp quy định về Tổ hợp công nghiệp quốc phòng tại mục 7, Chương II (gồm 04 Điều, từ Điều 42 đến Điều 45), tuy nhiên, chưa có quy định về Tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia. Nghị định số 99/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp hiện cũng chỉ quy định về chức năng, nhiệm vụ, thành phần của tổ hợp công nghiệp quốc phòng, hạt nhân tổ hợp công nghiệp quốc phòng và chính sách của Nhà nước đối với tổ hợp công nghiệp quốc phòng.

Trên cơ sở chỉ đạo của cấp có thẩm quyền về việc hình thành Tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia do Nhà nước dẫn dắt, định hướng, với hạt nhân là các cơ sở công nghiệp an ninh nòng cốt thuộc Bộ Công an, sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp trong, ngoài Công an nhân dân có nguồn lực, tiềm lực khoa học và công nghệ để tổ chức nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, thử nghiệm, sản xuất và hoàn chỉnh sản phẩm công nghiệp an ninh, đồng thời, định hướng cụ thể 05 nhóm, chuyên ngành sản phẩm, dịch vụ trọng tâm của Tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045, Chính phủ đề xuất bổ sung 01 mục về Tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia vào chương II, gồm 04 Điều, quy định về chức năng, nhiệm vụ, thành phần của tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia (Điều 45a), hạt nhân tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia (Điều 45b), thành viên tham gia tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia (Điều 45c) và chính sách của Nhà nước đối với tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia. Nội dung bổ sung cơ bản tương đồng với quy định về Tổ hợp công nghiệp quốc phòng tại Mục 7 Chương II, tuy nhiên, quy định cụ thể những nội dung đặc thù của Tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia so với Tổ hợp công nghiệp quốc phòng để tránh trùng lặp, chồng chéo và thể chế hóa yêu cầu của Bộ Chính trị về Tổ hợp công nghiệp an ninh quốc gia./.